**TIÊU CHÍ KHUNG GIẢNG DẠY**

**Dành cho Dạy và Học Từ xa**

Kể từ tháng 3 năm 2020, việc dạy và học đã có những thay đổi chưa từng có ở đây và trên cả nước. Như chúng ta điều hướng những điều chỉnh liên tục trong giáo dục, chúng ta có cơ hội làm việc cùng nhau để cung cấp cho sinh viên với một nền giáo dục chất lượng cao trong một môi trường học tập mới.

Với ý nghĩ đó, Khung tiêu chí này được tạo ra để hỗ trợ các nhà giáo dục, lãnh đạo trường học và những người hỗ trợ và huấn luyện nhân viên hướng dẫn trong quá trình giảng dạy và học tập từ xa và được thiết kế để sử dụng cùng với Các tiêu chí đánh giá khung giảng dạy của các Trường học Thành phố. Nội dung nhằm đưa ra các ví dụ về các hành động có thể có của giảng viên và sinh viên nhằm hỗ trợ hiệu quả hướng dẫn trong tiêu chí đánh giá việc DẠY HỌC. Những đề xuất này dựa trên phản hồi từ các giảng viên của Trường trong Thành phố, huấn luyện viên, và các nhà lãnh đạo học khu và trường học, và dựa trên nghiên cứu từ một số nguồn được công nhận, bao gồm: Nhóm, Tiêu chuẩn Quốc gia NSQ về Chất lượng Giảng dạy Trực tuyến, Viện Quốc gia về Giảng dạy Xuất sắc, ISTE, và tiểu bang và mô hình hệ thống địa phương từ Maryland và Pennsylvania.

Đây là bạn đồng hành với Phiếu đánh giá Khung Giảng dạy của các Trường Thành phố của chúng tôi và KHÔNG nhằm thay thế các chỉ số trên Phiếu đánh giá khung giảng dạy. Thay vào đó, nó nhằm hỗ trợ giảng viên và lãnh đạo nhà trường trong việc:

* Chuẩn bị cho việc dạy và học từ xa, với các ví dụ về chiến lược hoặc thói quen mà họ có thể kết hợp vào hướng dẫn
* Quan sát việc dạy và học từ xa một cách không chính thức và chính thức, với các ví dụ về cách các yếu tố sư phạm của phiếu tự đánh giá của chúng tôi có thể hiển thị trong một môi trường học tập trực tuyến
* Tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận liên tục về dạy và học từ xa, bao gồm các ví dụ dựa trên nghiên cứu và không gian để các nhóm trường học tạo ra, nâng cao và cá nhân hóa các chiến lược và quy trình đang được sử dụng và đã thành công với sinh viên mà họ phục vụ

**Sử dụng Khung tiêu chí này tại Trường của bạn**

Tài liệu này bao gồm các ví dụ dựa trên nghiên cứu có thể giúp hướng dẫn các cuộc thảo luận của nhóm trường bạn về cách hiệu quả nhất các chiến lược giảng dạy và học tập từ xa cho số lượng sinh viên của trường bạn và trọng tâm giảng dạy.

Khi bạn thông qua các trang, bạn sẽ thấy không gian để ghi lại các ví dụ cho mỗi tiêu chí DẠY HỌC và các câu hỏi hướng dẫn để trợ giúp tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận nhóm của bạn. Những ví dụ ảo này cũng có thể được sử dụng để giúp thúc đẩy thảo luận trước và sau khi quan sát hội nghị và kết nối với các lĩnh vực CHUẨN BỊ và PHẢN XẠ & ĐIỀU CHỈNH của Tiêu chí khung đánh giá giảng dạy.

**Một vài lưu ý về quan sát chính thức trong quá trình học từ xa**

Khi sử dụng Khung tiêu chí này đồng hành với Phiếu đánh giá Khung Giảng dạy của Trường học Thành phố của chúng tôi để quan sát chính thức việc giảng dạy từ xa và học tập, giảng viên và quan sát viên nên xem xét những lời nhắc nhở sau đây.

**Nhắc nhở: Tiếp tục sử dụng Phiếu đánh giá Khung Giảng dạy khi xác định xếp hạng quan sát chính thức**

Các bộ mô tả và kỳ vọng trong Phiếu tự đánh giá Khung Giảng dạy vẫn giữ nguyên. Sau khi thu thập bằng chứng của họ trong quá trình quan sát và sắp xếp bằng chứng của họ với các tiêu chí DẠY HỌC thích hợp, người quan sát xác định mức độ hiệu suất được hỗ trợ bởi sự ưu việt của bằng chứng.

Các ví dụ bao gồm trong tài liệu này là những cách thức mà các thực hành hướng dẫn hiệu quả này có thể xem xét trong quá trình quan sát giảng dạy trực tuyến - chúng không thay thế các kỳ vọng tiêu chuẩn đánh giá, nhưng là ví dụ về những bằng chứng phù hợp có thể trông như thế nào. Nguồn tài liệu này không bao gồm các ví dụ riêng biệt về thực hành đang phát triển hoặc không hiệu quả; Ngôn ngữ tự đánh giá Khung giảng dạy hiện tại đã cung cấp mô tả về sự khác biệt về chất lượng hiệu suất trên một sự liên tục.

**Nhắc nhở: Tiếp tục sử dụng các cuộc họp trước khi quan sát để thảo luận về hoạt động được quan sát và các chiến lược giảng dạy của giảng viên**

Đối với năm học 2020-2021, tất cả các quan sát chính thức tiếp tục được công bố các quan sát chính thức với các hội nghị quan sát trước.

Giảng viên nên chuẩn bị để xem lại bài học của họ với người quan sát và thảo luận về các chiến lược giảng dạy của họ. Giảng viên và các quan sát viên có thể sử dụng các ví dụ trong tài nguyên đồng hành này để tập trung thảo luận của họ trong các hội nghị này và để xác định các khu vực / điểm tiềm năng trong bài học mà bằng chứng này có thể tồn tại.

**Nhắc nhở: Không sử dụng các ví dụ trong tài nguyên tiêu chí này này như một danh sách kiểm tra, yêu cầu mọi ví dụ phải bao gồm trong bài học của một giảng viên**

Tài liệu đi kèm này phản ánh các ví dụ dựa trên nghiên cứu về cách dạy và học có thể trông như thế nào trong một môi trường học tập trực tuyến. Không phải kỳ vọng - cũng không phải là thích hợp - mà mọi ví dụ hoặc chiến lược được nhìn thấy trong một bài học cụ thể.

Thay vào đó, đây là những ví dụ nhằm giúp giảng viên và lãnh đạo nhà trường chuẩn bị, quan sát và thảo luận về hướng dẫn tưc tuyến.

Nguồn tài liệu này cũng không nhằm mục đích dành cho giảng viên hoặc lãnh đạo trường học để dừng hoặc thay đổi việc giảng dạy từ xa hiệu quả và

các chiến lược và thói quen học tập mà họ đã áp dụng vào thực tế. Đây là lý do tại sao không gian đã được tích hợp vào tài nguyên này

để cho phép các nhóm trường học phản ánh về giảng dạy trực tuyến của họ và điều chỉnh thực hành của họ với các chỉ số DẠY của phiếu đánh giá.

Nhắc nhở: Điều hướng các tính năng của nền tảng kỹ thuật để thu thập bằng chứng trong quá trình quan sát

Có một số cách mà người quan sát có thể thu thập thông tin trong môi trường học tập ảo mà giảng viên có được tổ chức. Người quan sát nên:

* là người đồng chủ trì trong bài học mà họ đang quan sát,
* được cấp quyền truy cập để xem lại các tài liệu bài học và cách chúng được tổ chức và giúp người học có thể truy cập được,
* theo dõi phản hồi của sinh viên trong trò chuyện hoặc các công cụ khác,
* tham gia các nhóm đột phá của sinh viên (nếu có),
* và / hoặc đánh giá bài tập của sinh viên được đăng hoặc chia sẻ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG DẠY 1. Tạo điều kiện cho việc học nội dung rõ ràng, dựa trên tiêu chuẩn** | | | |
| Khi giảng dạy, giảng viên phải chủ định đặt ra mục tiêu hoặc mục tiêu học tập cụ thể hóa các kỹ năng và nội dung trong ngày đồng thời đảm bảo họ đang giảng dạy có mục đích và sinh viên hiểu được mục đích và ý nghĩa của nó. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học của sinh viên, giảng viên nên sử dụng các hoạt động phù hợp, được cung cấp bởi chương trình giảng dạy, công nghệ thích hợp và sẵn có, và ngôn ngữ học thuật. Sinh viên nên có cơ hội để thể hiện suy nghĩ của riêng mình về nội dung được tạo điều kiện. | | | |
| **HIỆU QUẢ CAO (4)** | **ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU RÕ RÀNG** | **NHỮNG ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU TRONG TRƯỜNG CỦA CHÚNG TÔI** | **HIỆU QUẢ (3)** |
| * Với sự hỗ trợ của giảng viên, sinh viên kết nối xuyên suốt và trong các môn học để hỗ trợ học nội dung 9 * Với sự hỗ trợ của giảng viên, sinh viên kết nối việc học của mình với những câu hỏi thiết yếu, kinh nghiệm sống hoặc bản sắc riêng của họ 10 . | * Giảng viên hiển thị hầu như các mục tiêu học tập phù hợp với chương trình học trên các bản trình bày và tài liệu, đồng thời giới thiệu các hình ảnh và / hoặc ví dụ trong thế giới thực về tầm quan trọng của nó cho sinh viên.   ● Giảng viên sử dụng nội dung ngắn gọn "móc nối" thích hợp (ví dụ: video clip ngắn) để thúc đẩy sinh viên về mục đích nhiệm vụ và mục tiêu với các điểm dừng thích hợp để kiểm tra sự hiểu biết hoặc thắc mắc về việc học.  ● Giảng viên sử dụng các công cụ trực tuyến để làm nổi bật và nhấn mạnh việc học chính (ví dụ: máy ảnh tài liệu, công cụ vẽ trong Microsoft hoặc Google, Thanh công cụ Đọc / Viết) và sắp xếp nó như một tài nguyên để sử dụng trong bài học hoặc cho việc học không đồng bộ khi cần thiết.  ● Sinh viên tham gia vào các phòng đột phá do giảng viên tạo trong Zoom hoặc sử dụng các công cụ đồng bộ (ví dụ: Google docs, Jamboard) hoặc làm việc cá nhân để hiển thị bằng chứng về việc học mà sinh viên hoặc giảng viên có thể chia sẻ với những người khác trong lớp.  ● Giảng viên sử dụng các công cụ hẹn giờ ảo để hỗ trợ nhịp độ thích hợp trong quá trình làm việc cá nhân và nhóm; thời gian được điều chỉnh dựa trên nhu cầu của sinh viên khi thích hợp |  | ● Giảng viên trình bày một  mục đích học tập 11 hoặc mục tiêu bài học dựa trên tiêu chuẩn ở cấp lớp hoặc cao hơn, và tầm quan trọng của việc học của họ.  ● Nhiệm vụ có mục đích rõ ràng phù hợp với mục tiêu và tiêu chuẩn của bài học và cung cấp thử thách 12 cho sinh viên.  . ● Giảng viên trình bày một  mục đích học tập 11 hoặc mục tiêu bài học dựa trên tiêu chuẩn ở cấp lớp hoặc cao hơn, và tầm quan trọng của việc học của họ.  ● Nhiệm vụ có mục đích rõ ràng phù hợp với mục tiêu và tiêu chuẩn của bài học và cung cấp thử thách12 cho sinh viên.  ● Giảng viên trình bày chính xác nội dung và nhấn mạnh chính xác các khái niệm quan trọng.  ● Sinh viên thể hiện13 tư duy mới hoặc cấp độ cao hơn của mình12, cá nhân hoặc theo nhóm.  ● Giảng viên sử dụng nhịp độ phù hợp với nội dung và nhu cầu của sinh viên. |

10 câu hỏi cần thiết hoặc kinh nghiệm sống cho PK-2.

11 Mục đích học tập không giống với nhiệm vụ sinh viên sẽ hoàn thành. Nó sẽ giúp đặt tên cho cấu trúc để hiểu hoặc khái niệm là trọng tâm của bài học

12 Thử thách có thể là nhận thức, tình cảm hoặc tâm lý. Thử thách nhận thức được mô tả là tư duy ở cấp độ cao hơn về phân loại của Bloom hoặc tăng chiều sâu về Chiều sâu kiến ​​thức của Webb. Việc khám phá các vật liệu mới có thể bao gồm thách thức về nhận thức và tư duy ở cấp độ cao hơn. Thử thách tình cảm có thể được mô tả là thử thách cảm xúc hoặc tình cảm của sinh viên. Thử thách tâm lý vận động được mô tả là các chuyển động học tập.

13 Điều này có thể được thực hiện bằng lời nói, thông qua viết, vẽ, diễn xuất, trình diễn, sáng tạo bằng vật liệu hoặc các cách khác.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG DẠY 1. Tạo điều kiện cho việc học nội dung rõ ràng, dựa trên tiêu chuẩn** | | | | |
| SUY NGHĨ VÀ CÁC ĐIỂM THẢO LUẬN CHO VIỆC HỌC TẬP ẢO Ở TRƯỜNG CỦA CHÚNG TA | | | | |
| Các ví dụ “điều này có thể trông giống như ảo” cho chỉ số DẠY này dựa trên nghiên cứu và đóng vai trò là điểm khởi đầu cho việc giảng dạy và học tập trông như thế nào trong môi trường học tập từ xa ở trường của bạn. Khi xem xét việc giảng dạy và học tập như thế nào trong trường học và / hoặc lớp học của bạn:  **● Các công cụ và kỳ vọng thích hợp cho sinh viên mà bạn phục vụ (giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, tương tác với đồng nghiệp, tổ chức các nguồn lực, hướng dẫn và mô hình hóa) là gì?**  **● Bạn đã thiết lập những chuẩn mực nào với sinh viên liên quan đến phép xã giao trực tuyến và chúng được mô hình hóa và củng cố như thế nào?**  **● Sự cân bằng thích hợp giữa quyền kiểm soát của sinh viên và giảng viên đối với sinh viên mà bạn phục vụ là gì?**  **● Làm thế nào để giảng viên tạo không gian cộng tác (khoảng thời gian, thiết lập, giám sát) dựa trên nhu cầu của sinh viên?**  Xin lưu ý rằng “thức ăn cho những suy nghĩ” dưới đây không phải là danh sách đầy đủ về cách các hành vi của giảng viên và sinh viên phù hợp với mong đợi của chỉ số DẠY này có thể được quan sát. Có thể là phiên bản sửa đổi của một ví dụ được liệt kê ở đây là một phần trong thói quen hiện tại của giảng viên, để đáp lại những sinh viên được phục vụ. Ví dụ: khi tạo không gian cộng tác cho sự tham gia của sinh viên, giảng viên có thể tạo các cặp đột phá so với nhóm, rút ​​ngắn khoảng thời gian sinh viên tham gia đột phá hoặc sử dụng các công cụ cộng tác để tương tác toàn nhóm, chẳng hạn như bảng trắng trực tuyến (Jamboard, Whiteboard.fi) .  ● Làm thế nào để giảng viên có thể tạo ra các cơ hội khác nhau hầu như để sinh viên tiếp xúc với thông tin?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên tạo không gian ảo cá nhân hoặc cộng tác được chỉ định cho sinh viên (ví dụ: Google docs, Seesaw) và đặt bộ hẹn giờ trực tuyến để sinh viên tham gia thực hiện nhiệm vụ (bộ hẹn giờ có thể được đặt lại theo nhu cầu của sinh viên, có thể giảng viên cung cấp thêm câu hỏi để sinh viên mở rộng tư duy); giảng viên thực hiện "kiểm tra nhiệt độ" có thể xảy ra khi sinh viên làm bài tập "trên giấy" yêu cầu các em điền số vào cuộc trò chuyện hoặc giơ ngón tay lên máy ảnh theo mức độ hiểu hoặc hoàn thành của các em; sinh viên mang bài tập trước khi đến lớp / tài liệu không đồng bộ để “lật” việc học tập sao cho công việc đồng bộ được dành để áp dụng thay vì thu thập kiến ​​thức (lớp học của Google để đăng bài làm không đồng bộ); sinh viên trình bày suy nghĩ của mình bằng miệng (bật tiếng) và / hoặc trong cuộc trò chuyện (Thu phóng); Vân vân.  ● Làm thế nào để giảng viên có thể tạo khung hoặc phân biệt nội dung để sinh viên dễ dàng truy cập và điều hướng?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên tạo các tệp có tổ chức và trực tiếp gán chúng để sinh viên có thể dễ dàng truy cập (ví dụ: Google Lớp học); giảng viên phân biệt tài liệu và chỉ định hoặc hướng sinh viên đến các thư mục hoặc tài liệu kỹ thuật số cụ thể thông qua các liên kết trò chuyện riêng tư; giảng viên tạo siêu tài liệu (ví dụ: tài liệu của Google) cho phép sinh viên chọn các khu vực để xem xét và thực hành; giảng viên phân biệt các nhiệm vụ và giao nhiệm vụ bằng lời cho mỗi sinh viên để hoàn thành bài vở ở nhà để đáp ứng sự hiểu biết hoặc tiến bộ của sinh viên; sinh viên được phép hoàn thành các nhiệm vụ ở các cấp độ và khung thời gian khác nhau với một số sinh viên ở lại phòng nghỉ trong khi những sinh viên khác quay lại phòng chính để tham gia vào phản hồi do giảng viên tạo điều kiện (ví dụ: Thu phóng); Vân vân.  ● Làm thế nào để nâng cao trách nhiệm của sinh viên bằng tiếng nói và sự lựa chọn của họ được đưa vào một bài học ảo?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Với sự cho phép của sinh viên, giảng viên chia sẻ các ví dụ làm việc của sinh viên khi trả lời các câu hỏi hoặc với tư cách là gương mẫu hoặc để sinh viên trình bày trước camera hoặc trên màn hình của họ; giảng viên tạo cơ hội cho sinh viên chia sẻ kết nối cá nhân của họ với việc học mới trong cuộc trò chuyện, bằng hình ảnh hoặc ghi âm trong một nền tảng trực tuyến (ví dụ: Flipgrid); giảng viên hiển thị một số hình ảnh trên màn hình và cho phép những người học đầu tiên viết các chữ cái trên giấy đại diện cho âm thanh mà họ sử dụng trong hình yêu thích của họ, sau đó hiển thị các chữ cái của họ trước lớp trên máy ảnh hoặc bật âm thanh để nói phản ứng của họ với các bạn; giảng viên tạo bảng lựa chọn trực tuyến (ví dụ: tài liệu của Google) cho phép sinh viên chọn các lĩnh vực quan tâm để hoàn thành nhiệm vụ; sinh viên chọn văn bản hoặc nhiệm vụ cho hoạt động học tập bằng cách chọn một trong một số thư mục tài nguyên mà giảng viên đã cung cấp (ví dụ: Google Lớp học); Vân vân. | | | | |
| **GIẢNG DẠY 2. Sử dụng các chiến lược và nhiệm vụ để thu hút sinh viên vào công việc nghiêm túc** | | | |
| Trong khi giảng dạy, giảng viên sử dụng các chiến lược để thu hút mỗi sinh viên vào công việc và học tập nghiêm túc mang lại thử thách. Giảng viên sử dụng các tài liệu ngoại khóa, các chiến lược dựa trên bằng chứng, cũng như sự khác biệt và khung phù hợp để cung cấp các điểm truy cập cho sinh viên ở mọi cấp độ. Thông qua các chiến lược này, sinh viên được trao quyền để phụ trách việc học và bài tập trên lớp của mình. | | | |
| **HIỆU QUẢ CAO (4)** | **ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU RÕ RÀNG** | **NHỮNG ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU TRONG TRƯỜNG CỦA CHÚNG TÔI** | **HIỆU QUẢ (3)** |
| ●Với sự hỗ trợ của giảng viên, sinh viên xác định và lựa chọn các chiến lược15 hỗ trợ các nhu cầu và mục tiêu học tập của họ để tham gia vào nhiệm vụ học tập.  ● Giảng viên kết hợp giọng nói của sinh viên và  16 vào bài học,  lựa chọn trong khi vẫn duy trì quyền tiếp cận với trình độ cấp lớp hoặc vượt quá khả năng học tập | ● Giảng viên cho sinh viên thời gian có mục đích để tạo ra câu trả lời một cách độc lập hoặc tham gia vào thảo luận nhóm (ví dụ: phòng đột phá, công cụ cộng tác trực tuyến) và giám sát nền tảng.  ● Sinh viên hiển thị các quy trình của mình trong thời gian thực bằng các nền tảng do giảng viên giám sát (ví dụ: Go Guardian) hoặc bảng trắng trực tuyến khi giảng viên cung cấp phản hồi trực tiếp về bài làm của sinh viên.  ● Giảng viên cung cấp bài tập cho sinh viên dễ tiếp cận và có tổ chức với các kỳ vọng rõ ràng; nhiều tài nguyên dành cho các cấp độ người học khác nhau được cung cấp khi cần thiết (ví dụ: Google Lớp học).  ● Sinh viên chú thích tài liệu có chủ đích trên các nền tảng trực tuyến (ví dụ: Google Documents hoặc Microsoft 365) với sự hỗ trợ và mô hình hóa của giảng viên.  ● Giảng viên chỉ định hoặc thả sinh viên vào phòng đột phá, nhóm tài liệu đồng bộ hoặc nhiệm vụ độc lập cụ thể dựa trên kết quả đánh giá hình thành thời gian thực (thăm dò ý kiến hoặc kiểm tra nhanh bằng hình ảnh để hiểu, ví dụ: thích trên máy ảnh hoặc phản hồi trong trò chuyện). |  | ● Sinh viên có thời gian và cơ hội để tham gia và vật lộn17 với sự phức tạp  18 và các nhiệm vụ nghiêm ngặt.  văn bản  ● Để đáp lại sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên tham gia vào việc học bài học và sử dụng các chiến lược để kiên trì đáp ứng thử thách.  ● Giảng viên phù hợp19 cung cấp các giá đỡ20 hoặc phân biệt21 theo cách  hỗ trợ khả năng tiếp cận của mỗi sinh viên22 tới cấp độ cao cấp hoặc vượt quá khả năng học tập.  ● Giảng viên sử dụng hoặc mô hình hóa các chiến lược dựa trên bằng chứng23 để thu hút sinh viên bằng các văn bản và / hoặc nhiệm vụ.  ● Giảng viên phát hành  trách nhiệm đối với sinh viên là phản ứng với cách sinh viên tham gia với sự phức tạp và thách thức. |

15 Sinh viên có thể rút ra các chiến lược và nguồn lực để hỗ trợ họ trong việc tiếp cận một văn bản hoặc nhiệm vụ khó khăn. Các ví dụ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, sinh viên sử dụng văn bản tài nguyên, ghi chú lớp học hoặc thao tác trong khi làm bài tập. 16 Giọng nói và sự lựa chọn của sinh viên có thể bao gồm việc sinh viên chọn câu hỏi cần thiết để tập trung vào việc học, chọn định dạng hoặc sản phẩm cuối cùng để thể hiện việc học của mình, hoặc chọn (các) văn bản hoặc tài liệu cho việc học của mình 17 Khi sinh viên vật lộn với một văn bản hoặc nhiệm vụ, họ phải trải qua một “cuộc đấu tranh năng suất”, không phải một cuộc đấu tranh quá sức đến mức họ không thể vượt qua được.

18 Văn bản không giới hạn trong tác phẩm văn học. Có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, hình ảnh không chính thức, văn bản, hình ảnh, đồ thị, tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm âm nhạc, chuyển động được mô hình hóa và chữ cái.

19 Đề cập một cách thích hợp đến các khung và sự khác biệt được thông báo bởi IEP hoặc ELL hỗ trợ / kế hoạch hoặc dựa trên dữ liệu sinh viên, thông tin thu được từ việc theo dõi tiến độ, và / hoặc tiến độ trong các bài đánh giá tổng hợp và hình thành.

20 Giàn giáo thích hợp không có nghĩa là giảng viên làm giàn giáo cho mọi công việc. Giảng viên chỉ nâng đỡ khi mức độ phức tạp của nhiệm vụ và / hoặc kiến thức trước đó của sinh viên yêu cầu giàn giáo. Việc xây dựng hiệu quả các nhiệm vụ học tập dẫn đến nhiều con đường để hoàn thành và / hoặc xác định câu trả lời chính xác.

21 Mục tiêu chính của Differentiation là đảm bảo nội dung nghiêm túc cho tất cả sinh viên. Mặc dù sản phẩm, quy trình, nội dung hoặc nhiệm vụ có thể được thay đổi để cung cấp quyền truy cập cho các sinh viên khác nhau, nhưng nhiệm vụ phân biệt phải dẫn đến tất cả sinh viên tạo ra công việc ở mức độ nghiêm ngặt mà tiêu chuẩn yêu cầu. Giảng viên có thể phân biệt trên mức độ của tiêu chuẩn.

22 “Mỗi sinh viên” không có nghĩa là mỗi sinh viên có một chiến lược khác nhau hoặc chiến lược khác biệt, mà nó có nghĩa là nhu cầu và điểm mạnh của mỗi sinh viên được tính đến khi họ được xếp vào một nhóm giảng dạy thích hợp và nhận công việc phù hợp với nhóm giảng dạy đáp ứng / cô ấy hoặc nhận giàn giáo. Các nhóm giảng dạy có thể được xác định dựa trên các dữ liệu sinh viên khác nhau như trình độ kỹ năng, tiến bộ hiện tại, sở thích và mức độ khả năng. 23 Các chiến lược có thể bao gồm mô hình hóa, học tập hợp tác, sử dụng trình tổ chức đồ họa, chiến lược giảng dạy với nội dung hoặc giúp sinh viên tham gia vào siêu nhận thức. 9 Kết nối có thể là với bất kỳ bài học, bài đọc nào trước đó, các nội dung khác và kinh nghiệm học tập. Sinh viên phải có thể mô tả mối liên hệ với việc học hiện tại của họ bằng từ ngữ của chính họ, và điều gì đã khiến họ tạo ra mối liên hệ này.

|  |
| --- |
| **GIẢNG DẠY 2. Sử dụng các chiến lược và nhiệm vụ để thu hút sinh viên vào công việc nghiêm túc** |
| SUY NGHĨ VÀ CÁC ĐIỂM THẢO LUẬN CHO VIỆC HỌC TẬP ẢO Ở TRƯỜNG CỦA CHÚNG TA |
| Các ví dụ “điều này có thể trông giống như ảo” cho chỉ số DẠY này dựa trên nghiên cứu và đóng vai trò là điểm khởi đầu cho việc giảng dạy và học tập trông như thế nào trong môi trường học tập từ xa ở trường của bạn. Khi xem xét việc giảng dạy và học tập như thế nào trong trường học và / hoặc lớp học của bạn:  ● **Các công cụ và kỳ vọng thích hợp cho sinh viên mà bạn phục vụ (giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, tương tác với đồng nghiệp, tổ chức các nguồn lực, hướng dẫn và mô hình hóa) là gì?**  **● Bạn đã thiết lập những chuẩn mực nào với sinh viên liên quan đến phép xã giao trực tuyến và chúng được mô hình hóa và củng cố như thế nào?**  **● Sự cân bằng thích hợp giữa quyền kiểm soát của sinh viên và giảng viên đối với sinh viên mà bạn phục vụ là gì?**  **● Làm thế nào để giảng viên tạo không gian cộng tác (khoảng thời gian, thiết lập, giám sát) dựa trên nhu cầu của sinh viên?**  Xin lưu ý rằng “thức ăn cho những suy nghĩ” dưới đây không phải là danh sách đầy đủ về cách các hành vi của giảng viên và sinh viên phù hợp với mong đợi của chỉ số DẠY này có thể được quan sát. Có thể là phiên bản sửa đổi của một ví dụ được liệt kê ở đây là một phần trong thói quen hiện tại của giảng viên, để đáp lại những sinh viên được phục vụ. Ví dụ: khi tạo không gian cộng tác cho sự tham gia của sinh viên, giảng viên có thể tạo các cặp đột phá so với nhóm, rút ​​ngắn khoảng thời gian sinh viên tham gia đột phá hoặc sử dụng các công cụ cộng tác để tương tác toàn nhóm, chẳng hạn như bảng trắng trực tuyến (Jamboard, Whiteboard.fi) .  ● Làm thế nào mà giảng viên hầu như truyền đạt mục tiêu học tập và ý nghĩa của nó trong suốt bài học?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên đăng các mục tiêu trong cuộc trò chuyện và / hoặc nhắc sinh viên bằng lời nói về các mục tiêu ở những điểm chính trong bài học; giảng viên nêu các mục tiêu học tập trên tất cả các tài liệu và hoạt động trình bày (ví dụ: các trang trình bày và tài liệu của Google); giảng viên yêu cầu sinh viên tắt tiếng hoặc tiếp tục trò chuyện và nhắc nhở cả lớp về mục tiêu bằng lời của họ như một kết nối với việc học mới; Vân vân.  ● Hình ảnh hoặc chiến lược ảo nào có thể hỗ trợ sinh viên kết nối với việc học mới?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên sử dụng video (ví dụ: Khám phá, chương trình học hoặc giảng viên đã tạo ScreenCastify hoặc PowerPoint đã ghi) để liên hệ sinh viên với việc học; giảng viên đăng hình ảnh có liên quan đến nội dung hoặc yêu cầu sinh viên tìm và đăng các hình ảnh mà sinh viên có thể nhận xét trong cuộc trò chuyện; giảng viên đặt câu hỏi bằng lời nói hoặc trên màn hình cho phép sinh viên ghi lại và trả lời các đồng nghiệp (ví dụ: Flipgrid) hoặc khuyến khích sinh viên bật tiếng hoặc bật máy ảnh (ví dụ: Thu phóng); sinh viên vẽ một hình ảnh về sự hiểu biết của họ và hiển thị nó trên màn hình (ví dụ: Phóng to); giảng viên kết hợp các công cụ để hỗ trợ sinh viên hiểu ngôn ngữ hoặc gặp khó khăn khi đọc (ví dụ: Đọc web, Mercury Reader, công cụ Microsoft Translate), v.v.  ● Làm thế nào sinh viên có thể trình bày những gì họ biết theo cá nhân hoặc theo nhóm?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Sinh viên chia sẻ màn hình thiết bị hoặc vật phẩm bằng giấy trên máy ảnh để thể hiện sự hiểu biết của mình; sinh viên đăng hình ảnh, bản ghi âm hoặc bản vẽ đã tải lên (ví dụ: Bập bênh, bài đăng trò chuyện); giảng viên chia sẻ công việc của sinh viên (với sự cho phép của sinh viên) từ một tài liệu được chia sẻ (ví dụ: Google slide, Office 365 doc); sinh viên sử dụng bảng tương tác để hiển thị quy trình cho các bạn cùng lứa tuổi trong thời gian thực (ví dụ: Jamboard, Whiteboard.fi); Vân vân. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG DẠY 3. Sử dụng câu hỏi có chủ định để khắc sâu việc học** | | | |
| Khi giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi để đào sâu tìm hiểu và thúc đẩy tư duy của sinh viên. Thông qua các câu hỏi được lên kế hoạch và dàn dựng có chủ đích, sinh viên nâng cao mức độ suy nghĩ và biện minh cho các câu trả lời bằng cách thường xuyên sử dụng bằng chứng. Các câu hỏi phải xảy ra ở những điểm chính, phù hợp với mục tiêu học tập và tạo cơ hội cho nhiều sinh viên trả lời. | | | |
| **HIỆU QUẢ CAO (4)** | **ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU RÕ RÀNG** | **NHỮNG ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU TRONG TRƯỜNG CỦA CHÚNG TÔI** | **HIỆU QUẢ (3)** |
| ● ● Sinh viên dẫn dắt câu hỏi trong cả lớp.  ● Sinh viên buộc nhau (và bản thân) chịu trách nhiệm về việc biện minh cho câu trả lời của mình bằng cách sử dụng bằng chứng và / hoặc trình bày chi tiết về quy trình suy nghĩ của mình, khi cần.25  ● Sinh viên phản ánh về sự đa dạng của các con đường mà họ và / hoặc đồng nghiệp của họ sử dụng để trả lời các câu hỏi một cách thích hợp. | ● Giảng viên đưa các câu hỏi chính có ý nghĩa vào các điểm trong suốt bài học và thu hút câu trả lời của sinh viên trong cuộc trò chuyện, trên camera hoặc trong bài đăng thảo luận.  ● Sinh viên hiển thị phù hợp công việc của mình trên màn hình, trên máy ảnh, trong trò chuyện hoặc bằng lời nói khi họ giải thích các quy trình và câu hỏi thực địa từ các bạn cùng lớp.  ● Giảng viên lập kế hoạch các câu hỏi để thúc đẩy suy nghĩ và / hoặc nhanh chóng đánh giá sinh viên  hiểu biết bằng cách sử dụng các cuộc khảo sát trực tuyến, cuộc thăm dò ý kiến hoặc các dấu hiệu trực quan (giơ ngón tay để biết mức độ hiểu biết, nhập vào cuộc trò chuyện, cuộc thăm dò Thu phóng).  ● Giảng viên tạo phòng đột phá Thu phóng hoặc không gian kỹ thuật số dùng chung (ví dụ: Jamboard) dựa trên phản hồi của sinh viên để chia sẻ các câu trả lời khác nhau hoặc cách sinh viên nhận được câu trả lời của họ.  ● Sinh viên trả lời các câu hỏi và lời nhắc của giảng viên và / hoặc sinh viên thông qua thanh trò chuyện, biểu tượng cảm xúc hoặc hình ảnh trên máy ảnh và / hoặc các câu nói bằng lời không được bật mí; địa chỉ của giảng viên với phản hồi đáp ứng.  Xem thêm về văn bản nguồn nàyNhập văn bản nguồn để có thông tin dịch thuật bổ sung  Gửi phản hồi  Bảng điều khiển bên |  | ● Giảng viên nhất quán26 đặt ra nhiều câu hỏi khác nhau27 thu hút nhiều sinh viên28 tham gia vào bài học.  ● Giảng viên đảm bảo sinh viên biện minh cho suy nghĩ của họ bằng cách giải thích quá trình suy nghĩ của họ và / hoặc sử dụng bằng chứng29.  ● Giảng viên đặt các câu hỏi rõ ràng30 và ít phù hợp31 ở các điểm chính32 trong suốt bài học, sau đó có đủ thời gian chờ33.  ● Khi cần, giảng viên hỗ trợ sinh viên khám phá nhiều loại 34 câu trả lời thích hợp và con đường để đạt được câu trả lời thích hợp.  ● Giảng viên coi trọng 35 đầu vào từ tất cả sinh viên và đảm bảo sinh viên có cơ hội đóng góp công bằng. |

25 Bởi vì sinh viên có thể đang học kỹ năng phản hồi từ bạn bè, thời gian quan sát thông báo cho sinh viên tiến bộ đối với mục tiêu. Ngoài ra, đối với sinh viên đầu cấp tiểu học, giảng viên nhắc nhở và giảng dạy rõ ràng là thích hợp.

26 Tính nhất quán có thể được mô tả là phần lớn các câu hỏi của giảng viên trải đều trong suốt tiết học.

27 Giảng viên sử dụng các câu hỏi kết thúc đóng / hội tụ, kết thúc mở / phân kỳ, cấp độ thấp hơn và cấp độ cao hơn dựa trên loại hình học cần thiết tại thời điểm hiện tại. Các loại, mức độ và mục đích câu hỏi khác nhau thu hút sự tò mò và học hỏi của sinh viên. 28 Thu hút nhiều sinh viên có thể xem xét nhiều sinh viên được khuyến khích trả lời, nhiều sinh viên trả lời và nhiều sinh viên có thể tiếp cận các câu hỏi. 29 Sinh viên sử dụng bằng chứng có thể bằng lời nói hoặc không bằng lời nói. Điều này bao gồm trích dẫn văn bản, đưa ra ví dụ từ các hoạt động trong bài học hoặc cử chỉ đối với văn bản hoặc hình ảnh. 30 Câu hỏi rõ ràng không yêu cầu giải thích rõ hoặc trình bày lại để sinh viên trả lời.

31 Thích hợp đề cập đến mức độ liên quan của câu hỏi đối với việc học hoặc nhiệm vụ bài học cũng như phù hợp với sự phát triển của sinh viên đang trả lời.

32 Điểm chính là những thời điểm quan trọng khi việc đặt câu hỏi có thể làm nổi bật nội dung, khái niệm và / hoặc sự hiểu biết của sinh viên được ưu tiên. Đặt câu hỏi tại các điểm chính cũng hỗ trợ quá trình chuyển tiếp của bài học.

33 Thời gian chờ cho phép nhiều sinh viên có thời gian để hình thành một câu trả lời. Điều này không phải lúc nào cũng có nghĩa là im lặng trong lớp học. Các ví dụ bao gồm, nhưng không giới hạn ở việc sử dụng các chiến lược như dừng và quay, chia sẻ suy nghĩ theo cặp hoặc trao đổi để giúp sinh viên xử lý câu hỏi.

34 Tùy thuộc vào bài học và yêu cầu của mục đích học tập, các câu trả lời thích hợp không nhất thiết phải đúng, nhưng hỗ trợ việc tiếp tục học.

35 Giá trị có thể được chứng minh thông qua giọng nói, giọng điệu, ngôn ngữ cơ thể và thực hành của giảng viên để bao gồm tất cả các giọng nói của sinh viên trong quá trình giảng dạy

|  |
| --- |
| **GIẢNG DẠY 3. Sử dụng câu hỏi có chủ định để khắc sâu việc học** |
| SUY NGHĨ VÀ CÁC ĐIỂM THẢO LUẬN CHO VIỆC HỌC TẬP ẢO Ở TRƯỜNG CỦA CHÚNG TA |
| Các ví dụ “điều này có thể trông giống như ảo” cho chỉ số DẠY này dựa trên nghiên cứu và đóng vai trò là điểm khởi đầu cho việc giảng dạy và học tập trông như thế nào trong môi trường học tập từ xa ở trường của bạn. Khi xem xét việc giảng dạy và học tập như thế nào trong trường học và / hoặc lớp học của bạn:  **● Các công cụ và kỳ vọng thích hợp cho sinh viên mà bạn phục vụ (giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, tương tác với đồng nghiệp, tổ chức các nguồn lực, hướng dẫn và mô hình hóa) là gì?**  **● Bạn đã thiết lập những chuẩn mực nào với sinh viên liên quan đến phép xã giao trực tuyến và chúng được mô hình hóa và củng cố như thế nào?**  **● Sự cân bằng thích hợp giữa quyền kiểm soát của sinh viên và giảng viên đối với sinh viên mà bạn phục vụ là gì?**  **● Làm thế nào để giảng viên tạo không gian cộng tác (khoảng thời gian, thiết lập, giám sát) dựa trên nhu cầu của sinh viên?**  Xin lưu ý rằng “thức ăn cho những suy nghĩ” dưới đây không phải là danh sách đầy đủ về cách các hành vi của giảng viên và sinh viên phù hợp với mong đợi của chỉ số DẠY này có thể được quan sát. Có thể là phiên bản sửa đổi của một ví dụ được liệt kê ở đây là một phần trong thói quen hiện tại của giảng viên, để đáp lại những sinh viên được phục vụ. Ví dụ: khi tạo không gian cộng tác cho sự tham gia của sinh viên, giảng viên có thể tạo các cặp đột phá so với nhóm, rút ​​ngắn khoảng thời gian sinh viên tham gia đột phá hoặc sử dụng các công cụ cộng tác để tương tác toàn nhóm, chẳng hạn như bảng trắng trực tuyến (Jamboard, Whiteboard.fi) .  ● Làm thế nào giảng viên có thể đặt ra những câu hỏi chu đáo cho phép nhiều sinh viên trả lời và tương tác với sinh viên?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Sinh viên sử dụng bảng thảo luận do giảng viên tạo để nhập hoặc ghi lại câu trả lời (ví dụ: Flipgrid, tài liệu Google tạo sẵn) hoặc sử dụng trò chuyện để khuyến khích tư duy ở cấp độ cao hơn; giảng viên đặt ra các câu hỏi cho phép sinh viên tạo kết nối cá nhân để học tập và mô tả kết nối đó thông qua hình ảnh trên máy ảnh hoặc đăng lên cho các sinh viên khác xem và nhận xét (ví dụ: Google Slides, Seesaw); giảng viên đặt ra một câu hỏi mở và cho phép sinh viên trả lời để tạo ảnh ghép để xem suy nghĩ của họ liên quan như thế nào với suy nghĩ của các bạn cùng lớp (AnswerGarden.ch); giảng viên sử dụng bánh xe tên để đảm bảo rằng tất cả sinh viên đều có cơ hội phát biểu trong lớp học (Bộ chọn tên ngẫu nhiên của Lớp học của Google); Vân vân.  ● Làm thế nào giảng viên có thể làm mẫu và đảm bảo rằng sinh viên thể hiện bằng chứng về sự hiểu biết trong các câu trả lời?  Thêm thức ăn để suy nghĩ: Giảng viên hiển thị các ví dụ trên màn hình về các câu trả lời dựa trên bằng chứng từ bài làm của sinh viên (với sự cho phép của sinh viên) hoặc tạo các ví dụ mẫu có thể dễ dàng truy cập để sinh viên xem lại (ví dụ: Google Classroom, Seesaw, giảng viên tạo kiểm tra nhanh các câu đố trực tuyến yêu cầu sinh viên trả lời với các bước và công việc được hiển thị (ví dụ: Nearpod, Jamboard); sinh viên được yêu cầu tạo một video ngắn về chính họ giải thích hoặc hiển thị các bước hoặc bằng chứng của họ và đăng cho phản hồi của giảng viên và / hoặc đồng nghiệp (ví dụ: Flipgrid, sử dụng ScreenCastify để ghi lại và đăng vào Google Lớp học trong không gian cộng tác); giảng viên lập kế hoạch và ghi lại nhiều loại câu hỏi chính trên các trang trình bày và trình bày chúng vào những thời điểm thích hợp để sinh viên phản ánh (ví dụ: Google Trang trình bày); giảng viên tạo các khung câu / ngôn ngữ kỹ thuật số để sinh viên tham gia vào các cuộc thảo luận đột phá ( ví dụ: Google Tài liệu), v.v.  ● Làm thế nào sinh viên có thể dẫn đầu hoặc mở rộng câu hỏi?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên yêu cầu sinh viên viết một câu hỏi ra giấy hoặc gõ vào một biểu mẫu trực tuyến mà họ có về mục tiêu ở đầu lớp và sau đó các câu hỏi được xem lại vào cuối tiết học với sinh viên để xem sinh viên có. có thể trả lời các câu hỏi ban đầu của họ (ví dụ: biểu mẫu của Google); sinh viên xem tác phẩm của đồng nghiệp và đăng câu hỏi mà họ có về sản phẩm hoặc quy trình của họ (ví dụ: Nearpod, Seesaw), giảng viên hiển thị bìa sách trên màn hình và yêu cầu sinh viên chia sẻ câu hỏi hoặc thắc mắc của họ về câu chuyện dựa trên bìa đó (Micrô thu phóng , máy ảnh, hoặc trò chuyện); Vân vân. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG DẠY 4. Theo dõi sự tiến bộ và cung cấp phản hồi** | | | |
| Trong một bài học, giảng viên theo dõi tiến trình học tập của sinh viên thông qua các đánh giá hình thành và giải quyết những hiểu lầm của sinh viên. Giảng viên sử dụng thông tin đó để hướng dẫn các bước di chuyển của họ nhằm tạo điều kiện cho sinh viên học và hiểu trong bài học hiện tại và các bài học sau này. Đồ tạo tác phải cho biết việc học tập của sinh viên hướng tới mục tiêu hoặc mục tiêu của bài học. | | | |
| **HIỆU QUẢ CAO (4)** | **ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU RÕ RÀNG** | **NHỮNG ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU TRONG TRƯỜNG CỦA CHÚNG TÔI** | **HIỆU QUẢ (3)** |
| ● Để đáp lại bằng chứng từ các đánh giá hình thành, giảng viên tạo điều kiện cho các cơ hội học tập đồng đẳng giúp thúc đẩy việc học tập.  ● Sinh viên sửa, làm rõ, mở rộng hoặc làm lại công việc theo phản hồi từ giảng viên hoặc các sinh viên khác | ● Sinh viên sử dụng các câu đố nhanh, hộp trò chuyện, cuộc thăm dò ý kiến, tín hiệu không lời (ví dụ: nút phản ứng hoặc trên máy ảnh) hoặc phản hồi bằng lời nói không liên tục tại các điểm chính trong suốt bài học để chứng minh sự hiểu biết.  ● Giảng viên tạo các phòng đột phá không đồng nhất hoặc đồng nhất hoặc không gian ảo dùng chung (ví dụ: Google Trang trình bày, Bập bênh, Go Guardian) để hỗ trợ việc học tập của sinh viên dựa trên tiến trình thời gian thực.  ● Sinh viên gửi bản thảo công việc trên các cuộc trò chuyện hoặc nền tảng giao tiếp trực tuyến (hoặc trên micrô hoặc máy ảnh) nơi giảng viên và / hoặc đồng nghiệp có thể đưa ra phản hồi trong không gian đồng bộ.  ● Sinh viên gửi hiện vật thông qua phương tiện do giảng viên đề xuất, sinh viên có thể truy cập cho phép giảng viên đưa ra phản hồi kịp thời, có thể hành động dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá phù hợp (ví dụ: Google Classroom, Go Guardian, Google docs, Seesaw). |  | ● Giảng viên thực hiện đánh giá theo hình thức38 để cung cấp thông tin hữu ích cho tiến trình học tập của các nhóm sinh viên ở các điểm chính39 trong suốt bài học.  ● Các quyết định và / hoặc điều chỉnh của giảng viên dựa trên thông tin về sự tiến bộ của sinh viên và góp phần giúp sinh viên hiểu nội dung.  ● Để đáp lại sự hiểu lầm của sinh viên, giảng viên hoặc các sinh viên khác cung cấp phản hồi học tập cụ thể40 có thể hành động và làm rõ các bước tiếp theo cho sinh viên.  ● Hiện vật của sinh viên41 cho biết việc áp dụng học tập, khả năng thành thạo hoặc tiến bộ đối với mục tiêu hoặc mục tiêu học tập. |

38 Các bài đánh giá hình thành có thể bao gồm – nhưng không giới hạn – kiểm tra sự hiểu biết, phiếu xuất cảnh, các hoạt động trên bảng trắng hoặc câu trả lời của sinh viên đối với các câu hỏi của giảng viên. Đánh giá hình thành không nhất thiết phải chính thức hoặc bằng văn bản.

39 Tại các thời điểm quan trọng có nghĩa là ở những thời điểm quan trọng trong bài học và cung cấp nhịp đập chính xác của lớp học để xác định xem giảng viên có thể tiến lên trong bài học hay không. Dữ liệu cũng có thể đến từ các bài đánh giá hình thức của ngày hôm trước.

40 Phản hồi cụ thể trong học tập là phản hồi hỗ trợ sinh viên hiểu khái niệm, quy trình hoặc kỹ năng và cho phép sinh viên xác định cách họ có thể thực hiện hành động để sửa đổi công việc hoặc duy trì chất lượng. Phản hồi trong học tập có thể được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của cả lớp, các nhóm nhỏ hoặc cá nhân sinh viên. Phản hồi phải dựa trên xu hướng toàn bộ hoặc nhóm nhỏ và / hoặc nhu cầu cá nhân.

41 Hiện vật có thể cùng ngày hoặc qua các bài học liên quan.

|  |
| --- |
| **GIẢNG DẠY 4. Theo dõi sự tiến bộ và cung cấp phản hồi** |
| **SUY NGHĨ VÀ CÁC ĐIỂM THẢO LUẬN CHO VIỆC HỌC TẬP ẢO Ở TRƯỜNG CỦA CHÚNG TA** |
| Các ví dụ “điều này có thể trông giống như ảo” cho chỉ số DẠY này dựa trên nghiên cứu và đóng vai trò là điểm khởi đầu cho việc giảng dạy và học tập trông như thế nào trong môi trường học tập từ xa ở trường của bạn. Khi xem xét việc giảng dạy và học tập như thế nào trong trường học và / hoặc lớp học của bạn:  ● **Các công cụ và kỳ vọng thích hợp cho sinh viên mà bạn phục vụ (giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, tương tác với đồng nghiệp, tổ chức các nguồn lực, hướng dẫn và mô hình hóa) là gì?**  **● Bạn đã thiết lập những chuẩn mực nào với sinh viên liên quan đến phép xã giao trực tuyến và chúng được mô hình hóa và củng cố như thế nào?**  **● Sự cân bằng thích hợp giữa quyền kiểm soát của sinh viên và giảng viên đối với sinh viên mà bạn phục vụ là gì?**  **● Làm thế nào để giảng viên tạo không gian cộng tác (khoảng thời gian, thiết lập, giám sát) dựa trên nhu cầu của sinh viên?**  Xin lưu ý rằng “thức ăn cho những suy nghĩ” dưới đây không phải là danh sách đầy đủ về cách các hành vi của giảng viên và sinh viên phù hợp với mong đợi của chỉ số DẠY này có thể được quan sát. Có thể là phiên bản sửa đổi của một ví dụ được liệt kê ở đây là một phần trong thói quen hiện tại của giảng viên, để đáp lại những sinh viên được phục vụ. Ví dụ: khi tạo không gian cộng tác cho sự tham gia của sinh viên, giảng viên có thể tạo các cặp đột phá so với nhóm, rút ​​ngắn khoảng thời gian sinh viên tham gia đột phá hoặc sử dụng các công cụ cộng tác để tương tác toàn nhóm, chẳng hạn như bảng trắng trực tuyến (Jamboard, Whiteboard.fi) .  ● Làm thế nào để giảng viên có thể đánh giá rằng sinh viên đang theo dõi và hiểu nội dung được trình bày và có thể thực hiện thành công các nhiệm vụ?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên sử dụng kiểm tra thường xuyên để hiểu bằng cách yêu cầu sinh viên dịch bài học bằng từ ngữ của họ (Zoom micrô hoặc máy ảnh hoặc trò chuyện); sinh viên viết / vẽ đồng thời trên bảng trắng trực tuyến để kiểm tra nhanh sự hiểu biết (ví dụ: Jamboard, Whiteboard.fi); thăm dò ý kiến ​​của giảng viên hoặc khảo sát sinh viên tại các điểm chính và điều chỉnh việc giảng dạy một cách phản ứng (Zoom, Google Biểu mẫu); giảng viên tạo ra những khoảng dừng thường xuyên trong học tập để đánh giá nhanh và để sinh viên phản ánh về việc học (ví dụ: Pear Deck); sinh viên trả lời các câu hỏi phiếu xuất cảnh phù hợp với mục đích bài học; Vân vân.  ● Sinh viên sẽ chia sẻ công việc của mình với giảng viên và các đồng nghiệp như thế nào và ở đâu để nhận phản hồi?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Sinh viên chia sẻ suy nghĩ của mình trong các phòng đột phá và thảo luận về các bước tiếp theo hoặc sửa đổi với các nhóm đồng nghiệp hoặc đối tác; sinh viên tự ghi lại mô tả ý tưởng của mình và đồng nghiệp ghi lại nhận xét và ý tưởng (ví dụ: Flipgrid); giảng viên tạo không gian cộng tác cho sinh viên để đăng bài làm ở đó các đồng nghiệp có thể đặt câu hỏi (ví dụ: Google Lớp học, Google docs); sinh viên bật máy ảnh hoặc mic của mình và đọc / giải thích / trình diễn bài làm của mình trong khi các đồng nghiệp đưa ra phản hồi trong cuộc trò chuyện; giảng viên tạo một biểu mẫu đăng ký được chia sẻ với sinh viên thông qua liên kết trò chuyện và đăng trên trang chủ của lớp học để sắp xếp thời gian đăng ký trong  công việc không đồng bộ (ví dụ: Google Biểu mẫu, Google Lớp học); phản hồi bằng văn bản của đồng nghiệp được cung cấp trong quá trình hướng dẫn không đồng bộ được xem xét, làm rõ và / hoặc phản hồi trong các cặp hoặc nhóm sinh viên, v.v. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG DẠY 5. Tạo điều kiện cho sinh viên tương tác và nói chuyện học thuật 43** | | | |
| Giảng viên tạo điều kiện cho các tương tác của sinh viên thu hút sinh viên và hỗ trợ sự tiến bộ của họ đối với mục tiêu học tập. Tương tác phải khác nhau về định dạng để bao gồm các cơ hội viết và / hoặc nói trong toàn bộ lớp học, các nhóm nhỏ hơn và / hoặc các đối tác. Các tương tác của sinh viên phải linh hoạt, có mục đích và xem xét dữ liệu của sinh viên. Trong quá trình tương tác của sinh viên, chú ý đến việc đảm bảo mỗi sinh viên được tham gia và sử dụng nội dung và từ vựng học thuật. | | | |
| **HIỆU QUẢ CAO (4)** | **ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU RÕ RÀNG** | **NHỮNG ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU TRONG TRƯỜNG CỦA CHÚNG TÔI** | **HIỆU QUẢ (3)** |
| Sinh viên sử dụng ngôn ngữ học thuật và từ vựng khi họ dẫn dắt các cuộc thảo luận học thuật hoặc làm việc nhóm với sự hỗ trợ tối thiểu của giảng viên.44  ● Sinh viên theo dõi sự tiến bộ của mình trong công việc nhóm và hỗ trợ lẫn nhau trong việc duy trì năng suất và hoàn thành nhiệm vụ.  ● Sinh viên thể hiện  khả năng phản ánh hoặc điều chỉnh các tương tác của họ với các sinh viên khác dựa trên năng lực xã hội - tình cảm đang phát triển hoặc đang phát triển của họ | ● Sinh viên tham gia vào các nền tảng khác nhau do giảng viên giám sát tùy thuộc vào nhiệm vụ làm tăng sự tương tác của sinh viên như bảng thảo luận, bảng trắng trực tuyến, trò chuyện, tài liệu cộng tác hoặc phòng đột phá.  ● Sinh viên sử dụng biểu đồ liên kết ảo hoặc tường từ được giám sát bởi giảng viên (ví dụ: được liên kết trong Google Lớp học) làm tài nguyên và thêm vào các bài đăng với các câu hỏi hoặc thông tin chi tiết mới.  ● Giảng viên đăng và đánh giá các câu hỏi hướng dẫn và / hoặc hướng dẫn rõ ràng để hỗ trợ sinh viên trước khi chia nhóm và theo dõi sự tiến bộ bằng cách di chuyển vào và ra khỏi không gian chung.  ● Sinh viên tạo ra các sản phẩm công việc thành công bằng cách sử dụng các mục tiêu, cấu trúc (ví dụ: nhóm đột phá, biểu mẫu trực tuyến được chia sẻ), vai trò được giao và thời gian cho mỗi chỉ thị và giám sát của giảng viên.  ● Sinh viên chọn (hoặc giảng viên tạo) các phiên thảo luận do giảng viên giám sát và / hoặc các nhóm đăng bài thảo luận và / hoặc các tài liệu cộng tác một cách đáp ứng dựa trên đánh giá hình thành và nhu cầu của sinh viên. |  | ● Giảng viên cung cấp nhiều cơ hội để sinh viên tương tác với 45 mục đích khác nhau.  ● Giảng viên luôn làm mẫu và sử dụng các chiến lược46 để củng cố sinh viên sử dụng từ vựng và ngôn ngữ học thuật.  ● Ở hầu hết sinh viên  tương tác, sinh viên tham gia với các đồng nghiệp của họ để tạo ra ý nghĩa của nội dung hoặc hiểu sâu hơn 47 về cấp độ hoặc cao hơn nội dung.  ● Sinh viên làm việc  hợp tác hướng tới mục tiêu học tập bằng cách sử dụng các cấu trúc và sự hỗ trợ mà giảng viên đã đưa ra.  ● Giảng viên đảm bảo48 rằng các tương tác của sinh viên là linh hoạt, dựa trên dữ liệu của sinh viên49. |

43 Buổi nói chuyện học thuật hỗ trợ sự tiến bộ của sinh viên đối với mục tiêu học tập. Khi sinh viên tham gia vào cuộc nói chuyện học thuật, họ sử dụng nội dung và từ vựng học thuật. Việc hỗ trợ sinh viên một cách thích hợp nên bao gồm cân nhắc về độ tuổi và cấp lớp của sinh viên và sự nhạy cảm với các nhu cầu về văn hóa, ngôn ngữ và học tập cá nhân. Cân nhắc phải được sử dụng khi sinh viên không nói được.

44 Đối với các lớp học mẫu giáo và nhà trẻ, việc dẫn dắt các cuộc thảo luận học tập có thể không phù hợp với sự phát triển của sinh viên. Thay vào đó, các cuộc thảo luận học thuật do sinh viên dẫn dắt sẽ được tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, với sự hỗ trợ quan trọng của giảng viên và sự làm mẫu của giảng viên. Ngoài ra, trong một số trường hợp trong các lớp học ESOL, cần xem xét sinh viên đang ở giai đoạn nào của việc học ngôn ngữ để xác định tính hiệu quả trong các tương tác của sinh viên.

45 Các mục đích có thể bao gồm cộng tác, động não, xử lý / nội bộ hóa thông tin mới, kiểm tra sự hiểu biết, lặp lại / củng cố thông tin, phê bình / đưa ra phản hồi, mô hình hóa hoặc tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh.

46 Chúng có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, tường từ cập nhật, lời nhắc / gợi ý trực quan, phần mở đầu câu. Có thể cần các chiến lược khác biệt để hỗ trợ sinh viên mà ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là tiếng Anh dựa trên giai đoạn học ngôn ngữ của sinh viên, bao gồm thời gian xử lý, phần bắt đầu câu hoặc dấu hiệu hình ảnh bằng tiếng Anh và ngôn ngữ mẹ đẻ của họ, hoặc ghép hoặc nhóm sinh viên chiến lược.

47 Điều này có thể thêm vào phản ứng của một sinh viên khác, không đồng ý một cách tôn trọng và đưa ra quan điểm thay thế hoặc đặt câu hỏi cho nhau để thúc đẩy suy nghĩ của họ.

48 Điều này có thể được chứng minh thông qua kế hoạch bài học, thảo luận, cũng như chia sẻ dữ liệu được sử dụng để xác định mức độ phù hợp của các tương tác của sinh viên dựa trên sự tham gia đầy đủ của lớp, các nhóm nhỏ hơn và / hoặc các đối tác và tần suất chúng thay đổi.

49 Dữ liệu sinh viên bao gồm dữ liệu hiệu suất, sở thích và các dữ liệu khác về sinh viên.

|  |
| --- |
| **GIẢNG DẠY 5. Tạo điều kiện cho sinh viên tương tác và nói chuyện học thuật** |
| **SUY NGHĨ VÀ CÁC ĐIỂM THẢO LUẬN CHO VIỆC HỌC TẬP ẢO Ở TRƯỜNG CỦA CHÚNG TA** |
| Các ví dụ “điều này có thể trông giống như ảo” cho chỉ số DẠY này dựa trên nghiên cứu và đóng vai trò là điểm khởi đầu cho việc giảng dạy và học tập trông như thế nào trong môi trường học tập từ xa ở trường của bạn. Khi xem xét việc giảng dạy và học tập như thế nào trong trường học và / hoặc lớp học của bạn:  **● Các công cụ và kỳ vọng thích hợp cho sinh viên mà bạn phục vụ (giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, tương tác với đồng nghiệp, tổ chức các nguồn lực, hướng dẫn và mô hình hóa) là gì?**  **● Bạn đã thiết lập những chuẩn mực nào với sinh viên liên quan đến phép xã giao trực tuyến và chúng được mô hình hóa và củng cố như thế nào?**  **● Sự cân bằng thích hợp giữa quyền kiểm soát của sinh viên và giảng viên đối với sinh viên mà bạn phục vụ là gì?**  **● Làm thế nào để giảng viên tạo không gian cộng tác (khoảng thời gian, thiết lập, giám sát) dựa trên nhu cầu của sinh viên?**  Xin lưu ý rằng “thức ăn cho những suy nghĩ” dưới đây không phải là danh sách đầy đủ về cách các hành vi của giảng viên và sinh viên phù hợp với mong đợi của chỉ số DẠY này có thể được quan sát. Có thể là phiên bản sửa đổi của một ví dụ được liệt kê ở đây là một phần trong thói quen hiện tại của giảng viên, để đáp lại những sinh viên được phục vụ. Ví dụ: khi tạo không gian cộng tác cho sự tham gia của sinh viên, giảng viên có thể tạo các cặp đột phá so với nhóm, rút ​​ngắn khoảng thời gian sinh viên tham gia đột phá hoặc sử dụng các công cụ cộng tác để tương tác toàn nhóm, chẳng hạn như bảng trắng trực tuyến (Jamboard, Whiteboard.fi) .  ● Làm thế nào để giảng viên có thể giúp đảm bảo sự đa dạng trong các tương tác của sinh viên?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên tạo ra một vòng quay trực tuyến theo nhóm (với các văn bản và tài liệu trực tuyến) cho phép sinh viên làm việc cùng nhau cho các mục đích khác nhau như động não, thu thập bằng chứng, làm việc thông qua một quy trình, phản hồi của đồng nghiệp, v.v. (ví dụ: Phóng to phòng, Google Lớp học); giảng viên chỉ định các nhóm / cặp có chủ đích dựa trên dữ liệu sinh viên, sở thích, nhu cầu, v.v. và thay đổi chúng dựa trên nhiệm vụ (không đồng nhất hoặc đồng nhất, độ dài của nhiệm vụ) (Nearpod, Google docs, breakouts); vv ● Làm thế nào để giảng viên có thể hỗ trợ các tương tác tích cực, tại chỗ giữa các sinh viên?    Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên đăng và nhắc sinh viên về các chuẩn mực cho hành vi phù hợp trong các tương tác / đột phá / phản hồi của sinh viên dưới dạng trang chiếu mở đầu khi sinh viên bước vào giờ học ảo (Google slide); giảng viên khảo sát sinh viên vào cuối hoạt động để phản ánh xem họ đã đáp ứng các mục tiêu bài học và / hoặc các chỉ tiêu của lớp đối với công việc nhóm như thế nào (biểu mẫu của Google, cuộc thăm dò ý kiến); giảng viên cung cấp các điểm dừng thường xuyên trong các hoạt động để kiểm tra cả lớp (trò chuyện, thăm dò ý kiến, trên camera hoặc micrô); giảng viên giữ các breakout ngắn khi sinh viên làm chủ được cơ quan và giám sát các nhóm thường xuyên; sinh viên sử dụng các tài liệu cộng tác theo hướng dẫn và giám sát của giảng viên (ví dụ: Google docs, Jamboard) và sinh viên chia sẻ màn hình của mình với các bạn cùng lứa tuổi; giảng viên tham gia các nhóm đột phá để theo dõi và đưa ra phản hồi cho sinh viên (ví dụ: Zoom); sinh viên được giao các vai trò cụ thể để làm việc nhóm để duy trì sự tập trung vào các mục tiêu học tập cho nhiệm vụ; Vân vân. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG DẠY 6. Tổ chức và thực hiện các thói quen để hỗ trợ việc học tập tập trung vào việc học50** | | | |
| Giảng viên tạo ra một văn hóa lớp học với những kỳ vọng cao, quyền sở hữu của sinh viên và chấp nhận rủi ro trong học tập. Trong bài học, các thói quen được sử dụng để sinh viên tập trung vào việc học. Các quy trình phải giúp tiết kiệm tối đa thời gian giảng dạy, đảm bảo quá trình chuyển tiếp suôn sẻ, tăng cường hiểu biết của sinh viên về trách nhiệm và cung cấp một môi trường an toàn cho sinh viên trước những rủi ro trong học tập. | | | |
| **HIỆU QUẢ CAO (4)** | **ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU RÕ RÀNG** | **NHỮNG ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU TRONG TRƯỜNG CỦA CHÚNG TÔI** | **HIỆU QUẢ (3)** |
| ● Giảng viên tạo điều kiện51 nơi sinh viên được kỳ vọng sẽ có cơ hội trong nhiệm vụ học tập.  ● Sinh viên xử lý các lỗi trong cấu trúc bằng cách duy trì sự tập trung vào học tập của mình.  ● Giảng viên và sinh viên đã tạo và tuân theo các thỏa thuận chung để hỗ trợ lớp học tập trung vào việc học. | ● Sinh viên tham gia bằng cách sử dụng micrô, biểu tượng trò chuyện, giơ tay, thêm vào bảng thảo luận hoặc sử dụng tín hiệu camera trong khi giảng viên hướng dẫn.  ● Giảng viên đăng các chỉ tiêu lớp học trên màn hình khi sinh viên vào lớp Thu phóng (và như một lời nhắc nếu thích hợp) và giải quyết cho sinh viên trong quá trình học đồng bộ để củng cố sự tham gia và tương tác (ví dụ: chia sẻ bài tập trên màn hình, trả lời cuộc thăm dò, sử dụng trò chuyện).  ● Sinh viên có thể điều hướng các công cụ ảo bài học cần thiết một cách thích hợp, chuyển tiếp vào và ra khỏi các nhóm đột phá, v.v. (mô hình và hướng dẫn của giảng viên được cung cấp cho các nền tảng mới hoặc các tùy chọn được cung cấp cho các vấn đề kỹ thuật).  ● Nội dung trực tuyến được sắp xếp với nhãn rõ ràng để sinh viên sử dụng; giảng viên tạo không gian trực tuyến nơi bài tập được đăng / chia sẻ (ví dụ: Bập bênh, Google Lớp học).  ● Sinh viên sử dụng các công cụ Thu phóng trực tuyến (máy ảnh, micrô, trò chuyện) một cách thích hợp |  | ● Sinh viên làm nhiệm vụ và tham gia vào việc học trong suốt bài học.  ● Giảng viên yêu cầu tất cả sinh viên đạt được những kỳ vọng cao một cách thích hợp52 với tinh thần hỗ trợ53.  ● Giảng viên có các quy trình thích hợp54 để sinh viên thực hiện thành công 55.  ● Việc sắp xếp không gian và vật liệu của giảng viên tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển, tương tác và học tập của sinh viên, đồng thời bao gồm việc tôn vinh những trải nghiệm của sinh viên và công việc hiện tại.  ● Sinh viên quản lý tài liệu theo cách phát triển phù hợp. |

50 Trong trường hợp giảng viên sử dụng lớp học của người khác, việc quan sát nên tập trung vào cách giảng viên sử dụng không gian chung và xe đẩy.

51 Các điều kiện bao gồm: không gian và thời gian để nắm bắt cơ hội, một môi trường khuyến khích, sự chấp nhận giúp đỡ và khuyến khích từ bạn bè đồng trang lứa, niềm vui học tập. 52 Kỳ vọng có thể là học tập, hành vi hoặc xã hội.

53 Những kỳ vọng cần truyền đạt sự quan tâm, quan tâm và niềm tin vào tiềm năng của mỗi sinh viên và có thể được quan sát thông qua những gì và cách giảng viên truyền đạt cũng như (các) hành động mà giảng viên thực hiện khi củng cố những kỳ vọng chưa được đáp ứng hoặc thừa nhận khi chúng được đáp ứng. Bằng chứng có thể đến từ giọng điệu, tư thế, ngôn ngữ cơ thể hoặc cách lựa chọn từ ngữ của giảng viên.

54 Các thói quen thích hợp phản ánh nhu cầu phát triển của sinh viên, tôn trọng sinh viên và phản ánh rằng sinh viên là tài sản trong cộng đồng lớp học của họ.

55 Sinh viên chứng tỏ rằng họ thường biết trách nhiệm của mình và biết phải làm gì tiếp theo.

|  |
| --- |
| **GIẢNG DẠY 6. Tổ chức và thực hiện các thói quen để hỗ trợ việc học tập tập trung vào việc học** |
| **SUY NGHĨ VÀ CÁC ĐIỂM THẢO LUẬN CHO VIỆC HỌC TẬP ẢO Ở TRƯỜNG CỦA CHÚNG TA** |
| Các ví dụ “điều này có thể trông giống như ảo” cho chỉ số DẠY này dựa trên nghiên cứu và đóng vai trò là điểm khởi đầu cho việc giảng dạy và học tập trông như thế nào trong môi trường học tập từ xa ở trường của bạn. Khi xem xét việc giảng dạy và học tập như thế nào trong trường học và / hoặc lớp học của bạn:  **● Các công cụ và kỳ vọng thích hợp cho sinh viên mà bạn phục vụ (giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, tương tác với đồng nghiệp, tổ chức các nguồn lực, hướng dẫn và mô hình hóa) là gì?**  **● Bạn đã thiết lập những chuẩn mực nào với sinh viên liên quan đến phép xã giao trực tuyến và chúng được mô hình hóa và củng cố như thế nào?**  **● Sự cân bằng thích hợp giữa cơ quan của sinh viên và sự kiểm soát của giảng viên đối với sinh viên mà bạn phục vụ là gì?**  **● Làm thế nào để giảng viên tạo không gian cộng tác (khoảng thời gian, thiết lập, giám sát) dựa trên nhu cầu của sinh viên?**  Xin lưu ý rằng “thức ăn cho những suy nghĩ” dưới đây không phải là danh sách đầy đủ về cách các hành vi của giảng viên và sinh viên phù hợp với mong đợi của chỉ số DẠY này có thể được quan sát. Có thể là phiên bản sửa đổi của một ví dụ được liệt kê ở đây là một phần trong thói quen hiện tại của giảng viên, để đáp lại những sinh viên được phục vụ. Ví dụ: khi tạo không gian cộng tác cho sự tham gia của sinh viên, giảng viên có thể tạo các cặp đột phá so với nhóm, rút ​​ngắn khoảng thời gian sinh viên tham gia đột phá hoặc sử dụng các công cụ cộng tác để tương tác toàn nhóm, chẳng hạn như bảng trắng trực tuyến (Jamboard, Whiteboard.fi) .  ● Làm thế nào để giảng viên có thể đảm bảo rằng “tài liệu” đang được sinh viên quản lý một cách thích hợp?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên làm mẫu và cung cấp hướng dẫn về các công cụ mới cho sinh viên và cho phép sinh viên có thời gian thực hành sử dụng trước khi thực hiện các nhiệm vụ ngoại khóa; giảng viên đăng các quy tắc và chuẩn mực hàng ngày cho các nghi thức trực tuyến phù hợp và chọn sinh viên để xem qua từng quy tắc với các bạn cùng lớp của mình; giảng viên đảm bảo rằng tất cả sinh viên đều có thể truy cập tài liệu trực tuyến trước khi bắt đầu một nhiệm vụ (các lựa chọn thay thế sẽ có sẵn cho những sinh viên không thể truy cập các mục (ví dụ: Google Lớp học, liên kết tài liệu của Google trong trò chuyện); giảng viên yêu cầu sinh viên bật tiếng ngắn gọn và / hoặc bật trên máy ảnh để cho thấy họ có các vật dụng cần thiết để tham gia vào nhiệm vụ (ví dụ: bút chì màu, giấy, v.v.); giảng viên ghi nhãn rõ ràng các bài tập, hoạt động và bài đánh giá để đảm bảo có thể truy cập tài liệu trực tuyến dựa trên nhu cầu của sinh viên (ví dụ: Google Lớp học); v.v.  ● Làm thế nào để giảng viên có thể đảm bảo rằng “không gian” đang được sử dụng một cách hiệu quả?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên thiết lập, mô hình hóa và giám sát không gian cộng tác của sinh viên bằng cách sử dụng các chiến lược nhóm có mục đích và nhắc nhở sinh viên về các quy tắc và chuẩn mực (ví dụ: Google Docs, Jamboard, Peardeck, Seesaw, Zoom breakouts); sinh viên có thể yêu cầu tham gia một cuộc đột phá nếu thích hợp để xem xét với các đồng nghiệp khi họ làm việc trong quá trình phân nhóm linh hoạt (ví dụ: Thu phóng); giảng viên đã phát triển trang chủ của khóa học với video chào mừng, thông tin liên hệ, lịch học trực tiếp, thư mục và đề cương khóa học mà học viên được hướng dẫn đến / nhắc nhở để kiểm tra trong các nhiệm vụ bài học khi cần thiết (ví dụ: Google Lớp học); Vân vân.  ● Làm thế nào giảng viên có thể hỗ trợ xây dựng cơ quan sinh viên?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên lập mô hình chia sẻ màn hình và / hoặc chia sẻ tài liệu và hỗ trợ sinh viên chia sẻ công việc của họ với các bạn cùng lớp để nhận phản hồi và trợ giúp (ví dụ: Zoom, Google Docs); giảng viên phối hợp sinh viên với các đồng nghiệp trong một phòng họp ngắn để thảo luận về quy trình giải quyết một vấn đề hoặc đi đến kết luận (ví dụ: Zoom); giảng viên bao gồm giọng nói của sinh viên bằng cách cho phép họ trả lời các câu hỏi do đồng nghiệp đặt ra hoặc đưa ra các ví dụ về kết nối cá nhân với nội dung (ví dụ: trò chuyện thu phóng, máy ảnh hoặc micrô); giảng viên củng cố sự tham gia của sinh viên bằng cách làm mẫu phản hồi cho các bài đăng trò chuyện và thảo luận (ví dụ: Zoom, Flipgrid); giảng viên hiển thị các ví dụ đa dạng và tích cực về bài tập của sinh viên (bài tập viết, tệp âm thanh, video, v.v.) trong nền tảng học tập hoặc bảng thông báo trực tuyến (ví dụ: Google  Phòng học, Bập bênh, Sàn quả lê); sinh viên và giảng viên đồng tạo ra các quy tắc lớp học hoặc quy tắc nhiệm vụ và phản ánh về sự tiến bộ vào cuối lớp học đối với mức độ tham gia và tương tác của họ với những người khác (ví dụ: Google Biểu mẫu, cuộc thăm dò ý kiến, Biểu tượng cảm xúc); ; trong các bối cảnh hợp tác như phòng đột nhập, sinh viên cho thấy bằng chứng về việc có thể phân công vai trò cho nhau để giữ cho các tương tác diễn ra suôn sẻ và thúc đẩy sự tham gia (ví dụ: máy chấm công, máy ghi âm, phóng viên); Vân vân. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG DẠY 7. Nuôi dưỡng một cộng đồng học tập hỗ trợ** | | | |
| Để hỗ trợ việc học tập và hạnh phúc của sinh viên, giảng viên trau dồi và mô hình hóa các năng lực như tự nhận thức, tự quản, nhận thức xã hội và ra quyết định có trách nhiệm. Bằng cách tạo ra một môi trường lớp học an toàn và thân thiện nhằm nuôi dưỡng các mối quan hệ bền chặt, giảng viên tạo cơ hội cho sinh viên có tiếng nói, khả năng lãnh đạo và quyền tự quyết. | | | |
| **HIỆU QUẢ CAO (4)** | **ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU RÕ RÀNG** | **NHỮNG ĐIỀU NÀY CÓ THỂ TÌM HIỂU TRONG TRƯỜNG CỦA CHÚNG TÔI** | **HIỆU QUẢ (3)** |
| ● Sinh viên hỗ trợ lẫn nhau thông qua sự khẳng định, khuyến khích, thể hiện sự đồng cảm hoặc các hành động hỗ trợ khác.  ● Giảng viên hỏi về và đáp ứng nhu cầu và quan điểm của sinh viên trong quá trình giảng dạy.  ● Sinh viên cảm thấy an toàn khi chia sẻ quan điểm của mình, điều này có thể khác với phần lớn những người khác. | ● Sinh viên hoặc giảng viên bắt đầu các hoạt động nghỉ ngơi hoặc tái tập trung trí não; sinh viên tham gia cuộc trò chuyện thông qua trò chuyện nếu họ không muốn tham gia trên máy ảnh hoặc micrô.  ● Sinh viên dẫn đầu trong cả nhóm hoặc nhóm đột phá bằng cách chia sẻ màn hình của họ để hiển thị trực quan hoặc giải thích quá trình suy nghĩ của họ hoặc bằng cách đảm nhận vai trò lãnh đạo (ví dụ: người ghi chú, người giữ thời gian).  ● Sinh viên chia sẻ kết nối cá nhân của họ đối với việc học mới với các bạn trên bảng thảo luận do giảng viên tạo, phần đột phá hoặc phản chiếu video (ví dụ: Flipgrid); giảng viên có thể đăng một câu hỏi kích thích tư duy do sinh viên nêu ra trong cuộc trò chuyện.  ● Sinh viên tự đánh giá công việc nhóm thông qua một cuộc khảo sát / thăm dò ảo về phản ánh và các lĩnh vực cần cải thiện; sinh viên thể hiện sự hỗ trợ ngang hàng thông qua các công cụ trực tuyến (ví dụ:  biểu tượng cảm xúc trong cuộc trò chuyện, biểu tượng thích trên máy ảnh, v.v.)  ● Nghe thấy tiếng ồn hoặc gián đoạn phản hồi, giảng viên nhắc sinh viên về nghi thức ảo và yêu cầu tất cả sinh viên tắt micrô / video, sau đó nhanh chóng tắt tiếng những người không tuân thủ hoặc gửi họ đến phòng chờ để sửa trước khi vào lại. |  | ● Sinh viên thể hiện các chiến lược đối phó hiệu quả56 hoặc sử dụng các hỗ trợ mà giảng viên đã đưa ra để đối phó.  ● Giảng viên thực hiện  các thói quen và thực hành phù hợp để xây dựng khả năng lãnh đạo của sinh viên57.  ● Giảng viên thực hiện  các thực hành khuyến khích sự bao gồm của nhau và ý tưởng của nhau.58  ● Giảng viên nuôi dưỡng một cộng đồng lớp học 59 tích cực, hỗ trợ60 và nhận thức của sinh viên về tác động của họ trong lớp học61.  ● Khi cần, thầy  giải quyết, chuyển hướng hoặc giảm leo thang một cách thích hợp62 hành vi sai trái hoặc gián đoạn của sinh viên63 theo cách giải quyết vấn đề với mức độ gián đoạn tối thiểu đối với bài học hoặc việc học của sinh viên khác.  Xem thêm về văn bản nguồn nàyNhập văn bản nguồn để có thông tin dịch thuật bổ sung  Gửi phản hồi  Bảng điều khiển bên |

56 Chiến lược đối phó đề cập đến việc đương đầu với căng thẳng, xung đột, thất vọng và các tình huống hoặc cảm giác khó khăn khác.

57 Xây dựng khả năng lãnh đạo của sinh viên có thể bao gồm việc cung cấp các vai trò rời rạc và / hoặc thực chất cho sinh viên hoặc khuyến khích sinh viên bằng lời nói bước vào các cơ hội lãnh đạo.

58 Điều này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, cách giảng viên hoan nghênh và chấp nhận các ý tưởng và đóng góp của sinh viên cho lớp học, cách phản ánh danh tính, hoàn cảnh xuất thân và kinh nghiệm sống của sinh viên trong cộng đồng lớp học, tạo và thiết lập các thỏa thuận hoặc hợp đồng trong lớp học với sinh viên.

59 Điều này có thể bao gồm nhưng không giới hạn đối với giao tiếp bằng lời nói và không lời của giảng viên, cách giảng viên khuyến khích các mối quan hệ tích cực hoặc việc sử dụng Ba Thực hành Chữ ký, vòng kết nối phục hồi, tuyên bố tình cảm hoặc các chiến lược khác.

60 Điều này có thể được thể hiện qua cách giảng viên và / hoặc sinh viên hỗ trợ lẫn nhau thông qua sự khẳng định, công nhận, thể hiện sự đồng cảm, khuyến khích hoặc các hành động hỗ trợ khác

61 Bằng chứng có thể bao gồm sự phản ánh hoặc thừa nhận của sinh viên về tác động của lời nói hoặc hành động của họ đối với người khác, ý tưởng hoặc cách họ đóng góp, hoặc giá trị và tài sản của nền tảng và / hoặc kinh nghiệm của họ.

62 Xem các biện pháp can thiệp và phản hồi của giảng viên Cấp 1 trong Quy tắc Ứng xử của Sinh viên. Xuyên suốt, giảng viên tôn trọng phẩm giá của sinh viên và nhạy cảm với nhu cầu của sinh viên khi giải quyết các hành vi sai trái.

63 Hành vi ngoài nhiệm vụ có thể xuất hiện từ một sinh viên với Đánh giá Hành vi Chức năng hiện hành (FBA) hoặc Kế hoạch Can thiệp Hành vi (BIP). Trong những trường hợp này, một giảng viên sẽ được quan sát tuân thủ các chiến lược và biện pháp can thiệp do FBA hoặc BIP vạch ra.

|  |
| --- |
| **GIẢNG DẠY 7. Nuôi dưỡng một cộng đồng học tập hỗ trợ** |
| **SUY NGHĨ VÀ CÁC ĐIỂM THẢO LUẬN CHO VIỆC HỌC TẬP ẢO Ở TRƯỜNG CỦA CHÚNG TA** |
| Các ví dụ “điều này có thể trông giống như ảo” cho chỉ số DẠY này dựa trên nghiên cứu và đóng vai trò là điểm khởi đầu cho việc giảng dạy và học tập trông như thế nào trong môi trường học tập từ xa ở trường của bạn. Khi xem xét việc giảng dạy và học tập như thế nào trong trường học và / hoặc lớp học của bạn:  **● Các công cụ và kỳ vọng thích hợp cho sinh viên mà bạn phục vụ (giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, tương tác với đồng nghiệp, tổ chức các nguồn lực, hướng dẫn và mô hình hóa) là gì?**  **● Bạn đã thiết lập những chuẩn mực nào với sinh viên liên quan đến phép xã giao trực tuyến và chúng được mô hình hóa và củng cố như thế nào?**  **● Sự cân bằng thích hợp giữa cơ quan của sinh viên và sự kiểm soát của giảng viên đối với sinh viên mà bạn phục vụ là gì?**  **● Làm thế nào để giảng viên tạo không gian cộng tác (khoảng thời gian, thiết lập, giám sát) dựa trên nhu cầu của sinh viên?**  Xin lưu ý rằng “thức ăn cho những suy nghĩ” dưới đây không phải là danh sách đầy đủ về cách các hành vi của giảng viên và sinh viên phù hợp với mong đợi của chỉ số DẠY này có thể được quan sát. Có thể là phiên bản sửa đổi của một ví dụ được liệt kê ở đây là một phần trong thói quen hiện tại của giảng viên, để đáp lại những sinh viên được phục vụ. Ví dụ: khi tạo không gian cộng tác cho sự tham gia của sinh viên, giảng viên có thể tạo các cặp đột phá so với nhóm, rút ​​ngắn khoảng thời gian sinh viên tham gia đột phá hoặc sử dụng các công cụ cộng tác để tương tác toàn nhóm, chẳng hạn như bảng trắng trực tuyến (Jamboard, Whiteboard.fi) .  ● Làm thế nào để giảng viên có thể nhận ra và hỗ trợ những sinh viên cần hỗ trợ?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên cung cấp các kiểm tra nhanh về cảm nhận của sinh viên về việc học ở các điểm chính trong bài học để cung cấp hỗ trợ đáp ứng và / hoặc điều chỉnh bài học (ví dụ: Whiteboard.fi, gõ trong trò chuyện); giảng viên tạo các bài tập không đồng bộ thay thế mà sinh viên có thể dễ dàng truy cập nếu họ không có khả năng tham gia thảo luận nhóm hôm nay (Google Lớp học), giảng viên đặt trò chuyện thành "Chỉ máy chủ" và thông báo cho sinh viên biết rằng họ có thể gửi tin nhắn riêng cho giảng viên trong thời gian nghỉ giải lao kéo dài 3 phút với bất kỳ câu hỏi hoặc nhận xét nào; giảng viên mời sinh viên vỗ nhẹ vào lưng hoặc nắm đấm hoặc cho các em một nhịp cao ảo để khẳng định; ; cấu trúc hoặc hệ thống được đưa ra để sinh viên chia sẻ quan điểm của họ (ví dụ: vòng kết nối, Hội thảo Socrate, sử dụng khung ngôn ngữ để sinh viên chia sẻ sự đồng tình hoặc bất đồng); Vân vân.  ● Làm thế nào giảng viên có thể hỗ trợ sinh viên trong việc xây dựng kỹ năng lãnh đạo?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên chọn một sinh viên mỗi ngày để đóng vai trò là “người đồng dẫn chương trình” trong Zoom và giao cho họ những công việc cụ thể như theo dõi cuộc trò chuyện, kêu gọi đồng nghiệp trả lời câu hỏi, đọc mục tiêu, v.v.; với sự cho phép của sinh viên, giảng viên chia sẻ bài làm của sinh viên hoặc (yêu cầu sinh viên chia sẻ) với tư cách là người mẫu mực; giảng viên chỉ định vai trò lãnh đạo cho sinh viên trong các phòng đột phá trong Zoom hoặc tài liệu cộng tác (ví dụ: tài liệu của Google) để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc; giảng viên bắt đầu mỗi cuộc họp lớp bằng một chương trình và yêu cầu cho phép một sinh viên khác nhau mỗi ngày chia sẻ điều yêu thích của họ (trên máy ảnh và / hoặc bật micrô để giải thích về mục đó); Vân vân.  ● Làm thế nào để tạo ra và duy trì một nền văn hóa lớp học tích cực?  Thêm thức ăn cho suy nghĩ: Giảng viên bắt đầu bài học hoặc nhiệm vụ với những kỳ vọng rõ ràng được đăng tải, giải thích và theo dõi (Google slide); giảng viên bắt đầu giờ học với một khẳng định tích cực, kỹ thuật định tâm (thở hoặc yoga), hoặc âm nhạc; sinh viên được nghỉ giải lao định kỳ khi cần thiết với đồng hồ đếm ngược 30 giây (online-stopwatch.com); sinh viên hỗ trợ nhau trên máy ảnh với snaps hoặc trong cuộc trò chuyện để làm tốt công việc; giảng viên đăng những thông điệp tích cực cho sinh viên khi bắt đầu lớp học hoặc ngày học (ví dụ: đăng bài, Google Slide, viết lại trên ScreenCastify); giảng viên kết hợp đóng cửa lạc quan và nghi thức chào đón; sinh viên có nhiều cơ hội để thể hiện mức độ thoải mái trong suốt bài học với nhịp độ, hiểu nội dung hoặc cần hỗ trợ thêm (ví dụ: kiểm tra nhiệt độ, thích tăng / giảm, thăm dò ý kiến, biểu tượng cảm xúc trong trò chuyện); Vân vân. |

**Đánh giá Hiệu quả của Giảng viên**

Hội thảo trước khi dự giờ để dạy & học từ xa

|  |
| --- |
| Tên giảng viên trong lớp học Chức vụ  Trường học #  Tên / Chức vụ của Quan sát viên Đủ điều kiện |

Giảng viên đứng lớp và quan sát viên đủ điều kiện ghi lại khu vực tập trung cho cuộc quan sát chính thức. Dưới đây là những cân nhắc cho các hội nghị quan sát trước để quan sát việc dạy và học từ xa. Biểu mẫu hội nghị quan sát trước sẽ tiếp tục có sẵn trong hàng đợi của giảng viên trong OPMS để nhập điện tử và chia sẻ với quan sát viên đủ điều kiện của họ.

**I. (Các) mục tiêu cụ thể cho hoạt động sẽ được quan sát**

Hãy xem xét: Sinh viên sẽ biết và / hoặc có thể làm gì sau bài học này?

Hãy xem xét: Kết quả bài học là gì? Làm thế nào bạn sẽ biết nếu sinh viên đáp ứng kết quả này?

**II. Hoạt động được quan sát**

Cân nhắc: Những gì sẽ được dạy và làm thế nào sẽ được đáp ứng nhu cầu của những người học đa dạng?

Cân nhắc: Việc học đồng bộ và / hoặc không đồng bộ của sinh viên đến trước bài học này và điều gì sẽ đến sau?

**III. Các chiến lược sẽ được sử dụng để hoàn thành các mục tiêu**

Cân nhắc: Bạn sẽ sử dụng các chiến lược và / hoặc công cụ hướng dẫn ảo nào để học từ xa? Tại sao? Hãy xem xét: Các lựa chọn giảng dạy của bạn đáp ứng như thế nào với những gì bạn biết về sinh viên của mình

**IV. Các trường hợp đặc biệt liên quan đến hoạt động được quan sát**

Hãy xem xét: Người quan sát cần lưu ý điều gì khi thực hiện cuộc quan sát này (ví dụ: Đây có phải là một đơn vị mới, bạn có đang thực hiện các quy trình mới không, có những lo lắng về việc tham gia hoặc tham gia của sinh viên không)?

**V. Các ý kiến khác**

Chữ ký của giảng viên giảng dạy: Ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chữ ký của giảng viên dự giờ: Ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Trường Công lập Thành phố Baltimore. Trung tâm Tài nguyên Trực tuyến Trường học Thành phố, 2020.

Trường Công lập Thành phố Baltimore. Chính sách của Quận. Tháng 8 năm 2020.

Baltimore County Public Schools. Phiếu tự đánh giá cuối cùng cho việc dạy và học từ xa, tháng 9 năm 2020.

Hiệp hội Quốc tế về Công nghệ trong Giáo dục (ISTE). Học trực tuyến. Năm 2020.

Lucky Little Learners. Các hoạt động thu phóng để sử dụng với Học từ xa. Tháng 4 năm 2020.

Viện giảng dạy xuất sắc quốc gia. Chiến lược giảng dạy cho học tập ảo: Một công cụ đồng hành với Phiếu đánh giá tiêu chuẩn giảng dạy NIET. Tháng 9 năm 2020.

Bộ Giáo dục Pennsylvania. Đánh giá tự động: Các nhà giáo dục trực tuyến. Tháng 6 năm 2015.

Roblyer, M.D. và Ekhaml, L. Các Khóa Học Từ Xa Của Bạn Tương Tác Như Thế Nào? Phiếu tự đánh giá để đánh giá sự tương tác trong Đào tạo từ xa, tháng 6 năm 2020.

Nhóm Danielson. Khuôn khổ cho việc giảng dạy từ xa. Năm 2020.

Tiêu chuẩn Quốc gia về Chất lượng Học tập Trực tuyến (NSQ), 2020.